

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 03 thủ tục hành chính mới, 02 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ và 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 73/TTr-SCT ngày 26/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục gồm 03 thủ tục hành chính mới, 02 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương theo Quyết định số 3225/QĐ-BCT ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính

mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Danh mục gồm 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương theo Quyết định số 3231/QĐ-BCT ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương (*Phụ lục II kèm theo*).


Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Danh mục thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025. Thủ tục hành chính số 29, số 30 tại Phụ lục I Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục gồm 31 thủ tục hành chính mới và 11 thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Danh mục thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/12/2024. Thủ tục hành chính số 18, số 19 tại Phụ lục I Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục gồm 25 thủ tục hành chính mới và 24 thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện cập nhật, công khai thủ tục hành chính được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Điều 1 của Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; cập nhật, niêm yết, công khai thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ - Cục KSTT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh (Phòng HCQT);
- Sở TTTT (Phòng CNTT);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH
VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (1.013058)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở Công Thương). Địa chỉ: Số 69 Hùng Vương, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.	1. Mức thu cấp điều chỉnh Giấy phép vật liệu nổ công nghiệp được quy định như sau: <ul style="list-style-type: none">Thi công, phá dỡ công trình: 4.000.000đ;Tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: 3.500.000đ;Nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm: 2.000.000đ; 2. Trường hợp cấp điều chỉnh Giấy phép nhưng không có thay đổi về địa điểm, quy mô và điều kiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì mức thu bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tương ứng theo khoản 1 nêu trên.	<ul style="list-style-type: none">Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15;Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 53/2019/TT-BTC ngày 20/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

2	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ (1.000998)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở Công Thương). Địa chỉ: Số 69 Hùng Vương, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.	Không quy định	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 53/2019/TT-BTC ngày 20/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).
3	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ (1.000965)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở Công Thương). Địa chỉ: Số 69 Hùng Vương, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.	Không quy định	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 53/2019/TT-BTC ngày 20/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Cấp giấy phép sử dụng thuốc thăm quyền giải quyết của Sở Công Thương. 2.001434.000.00.00.H21	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (https://dichvucong.gialai.g	1. Mức thu cấp mới, cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp quy	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07/11/2024 của

2	<p>Cấp lại giấy phép dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương. 2.001433.000.00.00.H21</p>	<p>05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ</p>	<p>ov.vn) hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Gia Lai (quầy Sở Công Thương). Địa chỉ: Số 69 Hùng Vương, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.</p>	<p>định như sau: - Thi công, phá dỡ công trình: 4.000.000đ; - Tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: 3.500.000đ; - Nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm: 2.000.000đ; 2. Trường hợp cấp lại Giấy phép nhưng không có thay đổi về địa điểm, quy mô và điều kiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì mức thu bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tương ứng theo khoản 1 nêu trên.</p>	<p>Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 53/2019/TT-BTC ngày 20/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).</p>
---	--	--	---	--	---

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
01	1.001005.000.00.00.H21	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Thông tư số 25/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bãi bỏ toàn bộ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành, liên tịch ban hành
02	2.000459.000.00.00.H21	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Thông tư số 25/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bãi bỏ toàn bộ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành, liên tịch ban hành